TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2025
V/v "Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lê Trung Hiếu
Bà Đào Đắc Cẩm Tú
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2025/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc *"Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Châu Thị Ngọc L, sinh năm 1984; Địa chỉ: khóm K, phường K, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ: khóm K, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh Chiêm Đức A, sinh năm 1974; Địa chỉ: khóm C, Phường V, Thành Phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ: khóm Cà Lăng A, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2025 cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Châu Thị Ngọc L trình bày: Chị L và anh Đức A tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002 và không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị L có 02 con chung là cháu Chiêm Ngọc Tuyết N (nữ), sinh ngày 26/09/2003; cháu Chiêm Ngọc Tuyết N1 (nữ), sinh ngày 10/10/2007. Hiện các cháu đang sống cùng chị L. Những năm đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng được thời gian cả hai bất đồng quan điểm, không hợp

tính tình, vợ chồng mâu thuẫn không ai biết, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay nhận thấy hai vợ chồng tình cảm đã không còn, hạnh phúc hôn nhân tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh Chiêm Đức A. Về con chung: Yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Chiêm Ngọc Tuyết N1 (nữ), sinh ngày 10/10/2007 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh Đức A cấp dưỡng nuôi con; còn đối với cháu Chiêm Ngọc Tuyết N (nữ), sinh ngày 26/09/2003, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

Lời trình bày của bị đơn anh Chiêm Đức A vắng mặt tại tất cả buổi giải quyết của Tòa án không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho nguyên đơn chị Châu Thị Ngọc L, bị đơn anh Chiêm Đức A, nhưng nguyên đơn chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Chiêm Đức A vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn chị Châu Thị Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố quan hệ chung sống giữa chị L và anh Đức A không phải là vợ chồng do hai người chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn và chị L yêu cầu nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Châu Thị Ngọc L và bị đơn anh Chiêm Đức A là tranh chấp về hôn nhân theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ tại khóm C, phường V, thành Phố Cần Thơ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn chị Châu Thị Ngọc L và bị đơn anh Chiêm Đức A thấy rằng: chị L và anh Đức A chung sống với nhau từ năm 2002, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng…"*. Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 8016/VBHN-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn, thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng"*. Chị L và anh Đức A chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng đến nay vẫn không đi đăng ký kết hôn, nên theo quy định nêu trên pháp luật không công nhận chị L và anh Đức A là vợ chồng.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh Đức A có 02 người con chung gồm cháu Chiêm Ngọc Tuyết N (nữ), sinh ngày 26/09/2003 hiện nay đã thành niên; cháu Chiêm Ngọc Tuyết N1 (nữ), sinh ngày 10/10/2007 hiện đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng và theo ý kiến trình bày của cháu N1 nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu N1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của cháu N1 không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Chiêm Ngọc Tuyết N1 (nữ), sinh ngày 10/10/2007 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Đối với cháu Chiêm Ngọc Tuyết N (nữ), sinh ngày 26/09/2003 hiện đã thành niên đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Xét thấy chị L hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đức A phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị L khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị L khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Châu Thị Ngọc L đối với bị đơn anh Chiêm Đức A.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Châu Thị Ngọc L với anh Chiêm Đức A.

- Về con chung: Giao cháu Chiêm Ngọc Tuyết N1 (nữ), sinh ngày 10/10/2007 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Anh Chiêm Đức A không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đức A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Đức A không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chiêm Ngọc Tuyết N1 của chị Châu Thị Ngọc L thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom. Đối với cháu Chiêm Ngọc Tuyết N (nữ), sinh ngày 26/09/2003 hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Chị L khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị L khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Châu Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0001618 ngày 08/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, nay là Thi hành án dân sự thành phố C (Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ). Như vậy chị L đã thực hiện xong, anh Chiêm Đức A không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ (Phòng GĐ,TT,KT&THA);
- VKSND khu vực 8- Cần Thơ;
- Đương sự;
- Phòng THADS (Khu vực 8);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng